TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **817**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Phan Thị Diệu Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1981 (có mặt)
HKTT: 266/24 đường L, phường T, quận P.
Tạm trú: 243 đường T, phường T , quận P.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1965 (vắng mặt)
HKTT: 266/24 đường L, phường T, quận P.
Tạm trú: 243 đường T, phường T, quận P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/03/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông H tự nguyện chung sống không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2011, quyển số 1/2011, ngày 02/08/2011.

Sau khi kết hôn bà và ông H chung sống ở số 243 T, phường T, quận P.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông H thường hay ghen tuông vô cớ và xúc phạm đến nhân phẩm của bà. Đến năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường tranh cãi bất đồng. Sau khi tranh cãi ông H thường bỏ về nhà mẹ ruột nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông H có một con chung là trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi trẻ Ngân, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú ông Trần Hoàng H trình bày:

Ông xác nhận việc kết hôn và thời gian chung sống như bà T trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đôi lúc có những bất đồng quan điểm về lối sống, mâu thuẫn trong hôn nhân cũng có nhưng chưa đến mức trầm trọng. Vào khoảng tháng 10/2016, khi hai vợ chồng tranh cãi thì ông có bỏ về mẹ ruột. Nay do con ông còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về quan hệ con chung: Ông và bà T có một con chung là trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi trẻ Ngân, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2017 ông thay đổi yêu cầu, đồng ý để bà Trang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012, ông Hùng không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận ông và bà T không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành.

- Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai nhận của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa và kết quả xác minh mâu thuẫn ở nơi cư trú thì giữa bà Trang và ông H có mâu thuẫn. Hai bên chung sống không hạnh phúc. Mặt khác ông H vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện thiện chí hàn gắn.Về con chung: hiện nay bà Trang đang trực tiếp nuôi trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trang khai không có. Nay bà Trang yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Hùng cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2011, quyển số 1/2011 do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú cấp ngày 02/08/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Trần Hoàng H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H cư trú tại quận Tân Phú. Nay bà T yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận P thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trần Hoàng H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự theo Điều 179; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Hùng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét, việc bà Trang yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng H:

Căn cứ lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên là có thật. Do bất đồng nên vợ chồng thường tranh cãi, khi tranh cãi thì ông H thường bỏ về nhà mẹ ruột nên vợ chồng không có thời gian hàn gắn tình cảm. Mặt khác bà Trang xác nhận không còn tình cảm với ông H. Ông H cho rằng vợ

chồng có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi nhưng chưa đến mức trầm trọng nên ông H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên qua biên bản xác minh tại địa phương nơi bà Trang và ông H cư trú xác nhận hiện nay ông H ít khi ở nhà, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường tranh cãi, không hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay ông H cũng vắng mặt, qua đó thể hiện ông Hùng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm. Xét thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông H khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về quan hệ con chung: Xét, việc bà T yêu cầu trực tiếp nôi dưỡng con chung là trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012:

Hiện nay con chung đang chung sống với bà T. Trong quá trình giải quyết ông Hùng cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải dựa vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét hiện nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, bé phát triển bình thường. Do đó việc bà Trang yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012 cho bà Trang trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Trang không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Do đó hội đồng xét xử ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T khai hai bên không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trang phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều Điều 110; Điều 116; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với ông Trần Hoàng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2011, quyển số 1/2011, ngày 02/08/2011 do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận P cấp cho bà T và ông H không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 30/12/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T khai hai bên không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0026348 ngày 23/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Quận Tân Phú;
- UBND P.T, Quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hương